

π

• Xá Lợi Phất

Sariputta^P - 舍利弗 - Một trong những cao đệ của Phật Thích Ca khi còn hiện sinh đã được ngài cử làm Thủ Chứng trong số tăng lữ lúc bấy giờ, sau tịch diệt* đắc quả La Hán. Khi chưa ngộ đạo, chính ông đã gặp A Thuyết Thị nói lại lời đức Thích Ca* giảng về *Vạn Hữu phát sinh từ một Nguyên nhân** mà các nhà sư sau đó đã hiểu sai thành lý nhân duyên*, trái với lời đức Thích Ca buổi sinh tiền.

• xã hội chủ nghĩa

socialisme^F - socialism^A - Một thể chế chính trị nảy sinh từ chủ nghĩa cộng sản* đã có từ cuộc cách mạng bolchevik tháng 10 năm 1917 tại Nga mang tính độc tài sắt máu mà cái ý thức hệ tam vô* (*vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo*) lấy Tư bản luận* của Karl Marx* làm tôn chỉ với thặng dư giá trị làm phương châm cho bọn thợ thuyền công nhân làm tiêu đề gọi là động cơ để triệt hạ các giai cấp thống trị đã có thời phong kiến với mưu đồ tạo nên cảnh đại đồng* nhân loại bởi Lê Nin* đã tuyên bố giải phóng các dân tộc bị áp bức kể từ 1917. Nhưng chủ nghĩa này với các hội nghị tự xưng là quốc tế từ đệ nhất đến đệ tam quốc tế* đã tạo nên một thể lực giả tạo bề ngoài lo cho thiên hạ nhưng bên trong đã tạo nên một xã hội phụng sự cho một giai

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

cấp thống trị độc đảng tự xưng là văn minh tiến bộ nhưng tẻ nạn bá quyền* tham nhũng bóc lột nhân dân đã trở thành vô sản* vì bị bóc lột đến tận cùng khi họ diệt hết thành phần gọi là tư sản mà tẻ nạn phi luân bại lý thú cầm từ ý thức hệ tam vô kia như Liên Xô tại Đông Âu đã khiến cho chế độ này sụp đổ kể từ cuối thập niên 1980. Riêng các nước Trung cộng, Việt cộng, Bắc Hàn, Cuba thì các tay lãnh chúa đang chạy theo kinh tế thị trường của tư bản để cố thủ độc quyền độc đảng để chờ ngày chịu tội trước tòa án quốc tế khi mà họ không chịu từ bỏ cái xã hội thú cầm kia mà cái trò buôn dân bán nước của họ đang đẩy họ xuống hố sâu tự diệt.

• xã hội học

sociologie^F - sociology^A - 社會學 - Khoa học* các hiện tượng xã hội. Xã hội học không chỉ là sự nghiên cứu bằng mô tả các xã hội (*là những lãnh thổ nhiều người sống dưới những định luật chung*) mà từ sự kiện văn bản này, một người trong nhóm không còn cá tính như một người sống biệt lập, từ đó có những cuộc liên hoan, những cuộc thác loạn chung (*tấn kịch treo cổ tại trận ở Nam Hoa Kỳ*). Có một ý thức chung thắng đoạt ý thức cá nhân và thể hiện nơi chúng ta bằng ý thức* các bốn phận* xã hội: thí dụ bốn phận thức dậy vào buổi mai để đi làm (*W. James*). Sự thể hiện riêng biệt này của tinh thần xã hội đã được phân tích bởi A. Comte* (*người đã tạo ra danh từ xã hội học*) và nhất là bởi Durkheim. W. James diễn tả các hậu quả tâm lý của ý thức xã hội này. Tại Đức, Simmel von Wiese và nhất là Max Welser đã định nghĩa xã hội học như sự nghiên cứu các loại ý tưởng xử thế. Thật thế, xã hội học tân thời là sự nghiên cứu các thể chế xã hội và của cách thức mà chúng đã sống và được thực hành bởi những cá nhân của một tập đoàn đã có. Nó được chia ra làm nhiều chi nhánh liên tục tùy theo có sự nghiên cứu những nhóm riêng biệt về kinh tế, xã hội, tôn giáo*, luân lý và tùy theo nó thuộc về mỹ thuật, ngôn ngữ, giáo dục, địa chất... Nhưng tất cả những chi nhánh này được thống nhất bởi sự kiện rằng xã hội học nghiên cứu các hiện tượng xã hội tổng quát (*Mauss*) nghĩa là nó so sánh các tập thể bất di bất dịch đã biến sanh, tất cả các hành vi xã hội riêng biệt: một nhóm xã hội biểu thị vừa một thái độ tôn giáo, một hình thức kinh tế, một khái niệm tổng thể của nghệ thuật,

Đồng Tân

các liên hệ nhân bản... Nền tâm lý học tự nó du nhập xã hội học. Vấn tất, mục đích của sự phân tích xã hội học là tìm hiểu một kiểu sống toàn bộ bởi trực giác* và cảm tình (*Dilthey* hồi 1990, *Levi Strauss* hiện nay) bởi vì chính do đó mà người ta đạt được tất cả những gì là nhân bản. Chính sự hiểu biết nhân bản cho phép thực hiện sự nối liền lý thuyết với các biên bản thực nghiệm và tìm lại sự thống nhất của một thái độ con người (*một kiểu sống xã hội*) sau sự đa dạng của các nền luân lý xã hội. Xã hội học là một khoa học nhân bản vì chính nơi con người mà nó luôn luôn tìm hiểu xuyên qua và thông suốt những thể chế đã được biệt lập.

• xả thân

abnégation^F - selflessness^A - 捨身 - Hy sinh thân mình để làm một việc gì theo tinh thần trách nhiệm đối với gia đình, quốc gia hay tôn giáo*. Sự xả thân chỉ có nghĩa khi sự hy sinh được trọn vẹn, còn nếu nửa đường bỏ cuộc thì sự xả thân không còn có nghĩa nữa. Đồng thời, người xả thân là người không có một mưu đồ về danh, về lợi, về một tư kỷ quyền lực nào. Các chức phẩm tôn giáo thường tự cho là mình đã xả thân vì nhân loại, nhưng kỳ thực họ là người ích kỷ lợi dụng hơn ai hết khi họ luôn luôn mong cho mình được càng ngày thăng tiến trên nấc thang quyền lực danh vọng, lại an nhiên dùng của thập phương* mà chính mình không ra chút công sức nào cả. Tình trạng này là vấn đề xã hội hiện nay nhưng mấy ai thấy được như thế, nhất là khi người có phẩm vị* kia đã không tạo được một thành tích gì xứng đáng cho xã hội mong chờ cả. Mong rằng những phẩm vị tôn giáo (*dù hữu thần hay vô thần*) một khi không tạo được một ân đức gì cho người chung quanh hay cho xã hội thì đừng bao giờ dùng danh từ xả thân hành đạo!

• xác thân

corps^F - body^A - Phần vật chất tạo nên hình thể con người hay con vật. Khi con người mới sinh ra do tinh cha huyết mẹ cấu thành và được nuôi dưỡng bằng những thành phần vật chất tương hợp. Thân xác ra đời mang theo tất cả huyền vi của Tạo Hóa mà Đồng Tân đang thắc mắc thì trong một buổi đi (*bằng xe đạp*) trên đường phố tại Sài Gòn năm 1983 đã tự nhiên nghe bốn câu phát ra từ không trung:

Thân xác này: hình hài Vũ Trụ,

Thân xác này: hiện thể Hu Vô,

Xác thân này: bức họa đồ

Đủ cơ sinh hóa trong lò Càn Khôn!

mà Đồng Tân đã dẫn chứng trong từ nhân thân để cho biết các lý thuyết về con người từ nghìn xưa đều không khế hợp với trình độ tiến hóa của loài người hiện nay mà các cựu giáo* vẫn cố giữ những thành kiến bất hảo cho con người thì chỉ là những sai lầm cần phải cải thiện nếu muốn sử dụng những phương tiện của văn minh khoa học* ngày nay do con người với tư thế chủ nhân quả địa cầu* đã tự tri thức để sử dụng những đặc tính bản nhiên của vạn vật như một bức họa đồ đủ cơ năng sinh hóa do Đấng Tạo Hóa đã ban cho từ buổi khai nguyên mà các hàng giáo phẩm* từ bao lâu vẫn đứng ngoài nhìn với thái độ bất nhả về thân xác con người vậy. (*Xin xem Lý thuyết Tổng hợp và Bản Thể Luận sẽ rõ hơn*).

• xăm

oracle écrit^F - written oracle^A - Cùng một ý nghĩa cầu sự giúp đỡ của các đấng Vô hình về một sự kiện gì mà thế gian không giải quyết được. Trong khi keo* là hai đồng tiền có hai mặt sấp ngửa thì xăm là những thanh tre hay gỗ nhỏ dài, trên đó có ghi số tương ứng với một bài quẻ* khi hỏi việc hay bài thuốc khi cầu bệnh. Người xin xăm thường hành lễ trước Thiên Bàn* theo nghi thức đã định rồi đọc bài cầu và cầm bình đựng các xăm (*có khi đến 100 cây*) và lắc mạnh cho đến khi có lọt ra một cây, đó là cây xăm được ban cho ứng với bài có số trong cây xăm. Cao Đài giáo* không cấm việc xin xăm này nhưng hạn chế, dành cho trường hợp bất khả kháng mới cầu xin. Nhiều sự linh ứng đã xác minh hậu quả việc xin xăm này với điều kiện người xin phải trai giới* tinh nghiêm và tâm chí thành. Đó là nói về người tu Phổ Độ. Trong phần Vô Vi thì là sự tìm biết kết quả mong muốn về một việc gì qua sự dò hỏi của thế giới Vô hình. Sự kiện này đã có từ xa xưa với sự bói cỏ thi ở Trung Hoa, hay sự hỏi Thần linh* ở Ai Cập, Hy Lạp... Người tu Vô Vi Cao Đài giáo thường muốn cầu đạo phải xin keo, một hình thức có ý nghĩa như xin xăm trước Thiên Bàn. Buổi sinh tiền, đức Ngô Minh Chiêu* đã áp dụng phương pháp này với mục đích tránh cho người tu học sự tôn thờ người chỉ đạo (*trong*

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

nghĩa Tôn sư của các tôn giáo trước), bởi lẽ với Cao Đài giáo thì sự quyết định cho một người tu (nghĩa là nhập môn cầu đạo) hay không đều do Đức Cao Đài*, chứ không do người phàm, dù là người có mức độ tu học đã cao (như ngài). Ý nghĩa của sự xin xăm cũng không ngoài ý nghĩa đó (xem keo).

• xây bàn

La table frappante^F - the striking table^A - Một phương pháp cầu hồn* người chết* do Thông Linh học* Tây phương thực hiện. Lai lịch đã có từ 1847 tiểu bang New York Hoa Kỳ tại gia đình ông bà Fox với hai cô con gái Margaret và Katie, 15 và 12 tuổi. Cách thức thông công gồm một cái bàn 3 chân trên có viết 25 chữ cái. Dụng cụ sử dụng là một miếng ván hình quả tim, đầu nhọn hướng về các mẫu tự. Khi người thông công ngồi vào bàn tay dìm vào miếng ván hình trái tim gọi là con cơ, nếu có hồn người nhập vào thì con cơ chạy chỉ vào những mẫu tự và người có phận sự sẽ ghép lại thành chữ và ráp thành câu. Lối xây bàn này đã được truyền qua châu Âu vào 1853 và du nhập vào Pháp năm 1854. Từ đó, bà Girardin, bạn của ông Victor Hugo* đã chỉ dẫn lối xây bàn cho ông và khi biết được linh hồn* người con gái ông đã nhập bàn, ông bắt đầu tin tưởng vào thế giới Vô hình. Lối xây bàn Tây phương này đã du nhập vào Việt Nam (Sài Gòn) từ năm 1925 và đã được nhóm phò loan* sử dụng trước khi được lệnh của Vô hình (có Thất Nương bảo dùng ngọc cổ* mới tiếp được chư vị Thần linh* cao hơn). (Xem Thông Linh học).

• Xích Thiên

Ciel Rouge^F - Red Sky^A - 赤天 - Tầng Trời thứ ba trong 12 tầng Trời, nơi linh hồn* người tín hữu Cao Đài* được triệu đến đó khi tới tuần cửu* thứ năm.

• xú bì nang

sac à ordures^F - scum bag^A - 醜皮囊 - Xem uế nang.

• xuân huyền

père et mère^F - father and mother^A - 椿萱 - Người xưa thường dùng hình bóng cây xuân(?) để chỉ ông cha, và cây huyền(?) để chỉ bà mẹ còn gọi là

xuân huyền.

• xuất thần

extase^F - ecstasy^A - 出神 - Trong thí nghiệm thần bí, trạng thái trong đó con người bị thiên di cõi bỏ ngoài xác thân họ, cách biệt hẳn với thế giới chung quanh trong một thời gian. Trạng thái này thường kích động những người đã chiêm nghiệm nó nơi những nhân vật đã hội hiệp với Thần linh*. Sự hứng khởi tiên tri đã tạo nên sự xuất thần đã được khai thác bởi những sấm ngữ, nổi tiếng nhất là sấm ngữ đền Delphes. Đó là một hiện tượng được quan sát từ lâu nơi các tu sĩ* Hồi giáo*, hay nơi những chaman nhưng lại mang tính chất hạ đẳng. Trong các tôn giáo* Á châu, sự kết nạp với Thần linh trong một loại xuất thần được tìm hiểu bởi những kỹ thuật khác nhau của sự tham thiền. Các nhà Tân Platon* thì thấy trong sự xuất thần mục đích của triết học*. Đối với Platon và môn đồ, sự xuất thần là sự triệt tiêu cá tính trong đó linh hồn* đồng nhất với tính chất thiêng liêng*. Trong nền Thần học Cơ Đốc giáo*, nơi mà sự xuất hồn được tìm hiểu bởi những nhà thần bí* muốn trực diện Thượng Đế*, sự kiện chỉ có được với các bậc đại Thánh. Nhà thờ phân biệt sự xuất thần trong sạch do niềm vui và tình thương tạo nên với những sự xuất thần bệnh hoạn, kèm theo đó là sự nhọc mệt và sự buồn nản, và những sự xuất thần của mình, sự trực diện với Thượng Đế và những niềm vui nơi cõi Trời mà họ đã hưởng. Trong Cao Đài giáo*, việc xuất thần thường đến với những người đồng tử* trong việc thông công với thế giới Vô hình, nhưng không mấy khi được tiết lộ những gì xảy ra trong thời gian đó. Riêng Đồng Tân thì rất hân hạnh trong thời gian làm đồng tử tại cơ quan Hiệp Thiên Đài*, Hội Thánh Cao Đài Trung Việt năm 1947 tại Thánh Thất Trung An, thuộc miền núi tỉnh Quảng Nam, đã ba lần thấy Thiên Nhân* hiện ra trước mắt đầy hào quang khoảng ba thước tây (không phải Thiên Nhân trên bàn thờ*) về phía trái khi đang đứng nhìn vào Thiên Bàn trong buổi sắp sửa ngồi thủ cơ, hai lần như thế là tiếp một lá số* do Hội Thánh* dâng lên khi còn tại sở nông Phước Hội miền núi Quảng Nam cách đó hai ngày đường núi; lần chót là lần Đức Cao Đài* ban lệnh đại hội thành lập Hội Thánh năm 1948 trong vùng cộng sản sau vụ thảm sát Quảng Ngãi* thời gian biến cố tháng 8-1945.

Đồng Tân

Nhờ đó mà dù chính quyền cộng sản có muốn cô lập từng địa phương để tiêu diệt tín hữu Cao Đài cũng không được. (Xem *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2: Sự truyền bá Trung Bắc Việt Nam** của Đồng Tân xuất bản 2007 tại Melbourne).

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân